

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 8 - 2021

“Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông.

2. Ông Nguyễn Ngọc Triển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, phân chia con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1982, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Vũ Di, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc.

Bị đơn: Anh Cao Văn N, sinh năm 1975, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Vũ Di, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 02 năm 2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Ngày 29/6/2001, chị và anh Cao Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Tường, huyện Vinh Tường. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, sau khi cưới, chị về làm dâu cùng gia đình anh sau đó vợ chồng ra ở riêng tại thôn Y, xã Vũ Di, huyện Vinh Tường. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường hay uống rượu, những lần như thế anh N đều chửi bới,

đánh đập chị. Chị đã bỏ qua nhiều lần cũng như khuyên bảo anh N nhưng anh không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xô xát, căng thẳng với nhau. Mặc dù chị và anh N chung sống với nhau nhưng cả hai đều sinh hoạt riêng, không quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Khoảng tháng 6/2020, chị đã nộp đơn ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, nhưng do, anh N tha thiết xin đoàn tụ nên chị đã rút đơn về để vợ chồng hoà giải với nhau. Tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là cháu Cao Thị Thu L, sinh ngày 11/4/2002 và cháu Cao Quang V, sinh ngày 04/4/2013. Hiện nay, cháu L đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V hiện đang ở với chị và anh N. Ly hôn chị đề nghị Tòa án để chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021 và những lời khai tiếp theo tại Tòa, bị đơn là anh Cao Văn N trình bày: Về quá trình kết hôn, chung sống như chị Hương trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh thừa nhận những lần cãi vã có lời qua tiếng lại với chị H nhưng anh chưa bao giờ đánh đập chị. Anh có nghe thông tin bên ngoài cho rằng chị H có mối quan hệ với người đàn ông khác, nhưng anh cũng chấp nhận bỏ qua để giữ gìn gia đình. Hiện nay anh và chị H vẫn chung sống với nhau, chị H xin ly hôn, quan điểm của anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung đúng như chị H trình bày. Hiện nay, cháu Cao Thị Thu L đã trưởng thành, có gia đình riêng ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Cao Quang V đang ở cùng với anh và chị H. Anh không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị Hương đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; anh Năm chấp hành không đầy đủ nên phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đặng Thị H được ly

hôn anh Cao Văn N. Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Quang V, sinh ngày 04/4/2013. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Đối với cháu Cao Thị Thu L, đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có gia đình riêng, chị H, anh N đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn N; bị đơn anh Cao Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh N lần thứ hai, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị H và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/6/2001 tại Ủy ban nhân dân xã An Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân của chị H, anh N xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến những căng thẳng, ngột ngạt mà các thành viên trong gia đình đều thừa nhận. Tại phiên tòa, chị H khẳng định đã cho anh N nhiều cơ hội nhưng anh N không thay đổi, vẫn xảy ra những cãi vã, xô xát với nhau, khiến chị cảm thấy không còn niềm tin và tình cảm với anh N, nên vợ chồng không thể về đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không nhất trí với việc chị H xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên qua những buổi làm việc tại Tòa án, mặc dù đã được giải thích và động viên để tìm hướng hoà giải giữa hai vợ chồng nhưng bản thân anh N không thực sự bày tỏ nỗ lực hàn gắn. Anh không đồng ý ly hôn nhưng lại bỏ mặc, không có biện pháp gì thuyết phục và cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến tình trạng hai vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm, chia sẻ cùng nhau. Anh N đề nghị Tòa án tiếp tục tiến hành hoà giải cho anh và chị H, song tại buổi hoà giải được Tòa án ấn định, anh N đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh N không thực sự có mong muốn hàn gắn, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng.

Như vậy có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Cao Thị Thu L, sinh ngày 11/4/2002 và cháu Cao Quang V, sinh ngày 04/4/2013. Hiện nay, cháu L đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vinh hiện đang ở với chị H và anh N. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H, quan điểm của anh N, điều kiện của anh chị, cũng như xem xét nguyện vọng của cháu V muốn ở cùng mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cũng như tôn trọng ý kiến cá nhân của cháu V, nên giao cháu Vinh cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Cao Văn N.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Quang V, sinh ngày 04/4/2013 (hiện đang ở cùng chị H, anh N); anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2020/000538 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường; chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã An Tường, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã lý)

Nguyễn Xuân Trọng

